

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2019

V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm: 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng: Anh Lê Cao C, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh P, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, ở thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P nghiện ma túy, mang hết tài sản trong nhà đi bán, luôn đe dọa đánh chị và con. Đến ngày 02/02/2007 do không thể chịu đựng được nên chị đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó anh P có vài lần đến tìm chị về nhưng chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên chị không về và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Đến nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 02/12/2006, hiện nay đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/ 01 tháng, chị ở cùng mẹ chị nên mẹ con chị có nhờ ở ổn định. Mẹ chị có điều kiện phụ giúp chị trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Thị Thùy L, sinh ngày 02/12/2006 là con của anh P, chị H thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ cháu.

*/ Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn L, xã M, vợ chồng có va chạm, đánh cãi nhau. Do có mâu thuẫn nên khoảng năm 2007 chị H đưa con đi không sinh sống cùng anh P.

*/ Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là anh Lê Cao C, sinh năm 1975, cư trú Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. (là anh trai anh P) thể hiện: Về thời gian, quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày. Anh P có nghiện ma túy nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhau. Năm 2007 chị H đưa con về nhà để ở xã Tự Tân, huyện Vũ Thư sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập cho anh P, anh có nhận được và đã giao lại cho anh P, anh P có nói là tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết

theo pháp luật. Anh P và chị H có 01 con chung, ly hôn đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống của cháu.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh P. Về con chung: giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh P và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung nên xác định đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh P có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Do anh P nghiện ma túy nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2007 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P là có thật, đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 02/12/2006, hiện nay đang ở với chị H. Xét thấy chị H có đủ điều kiện nuôi con, cháu L có nguyện vọng muốn ở mẹ do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H

giao con Linh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Do không có ý kiến của anh P về tài sản và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 02/12/2006 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003331 ngày 16/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/8/2019. Anh Lê Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 36/2005 ngày 25/11/2005);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương